

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 375/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG					15.757.505	2.810.210	6.040.000	708.009	2.548.061	240.887	1.678.338	1.512.000	220.000	16.391.881	2.798.402	5.987.168	858.157	2.548.061	240.887	1.957.206	1.512.000	490.000
A	- Số vốn chưa phân bổ					566.654				247.620		167.834	151.200		488.834				169.800		167.834	151.200	
B	- Số vốn phân bổ					15.190.851	2.810.210	6.040.000	708.009	2.300.441	240.887	1.510.504	1.360.800	220.000	15.903.047	2.798.402	5.987.168	858.157	2.378.261	240.887	1.789.372	1.360.800	490.000
1	Chuẩn bị đầu tư					76.766	29.220	47.546							58.110	19.235	38.875						
2	An ninh Quốc phòng					425.107	425.107								410.075	410.075							
3	Công nghệ thông tin					161.763	139.863			21.900					161.349	139.449			21.900				
4	Giáo dục và đào tạo					2.020.866	106.756	1.815.468	42.842				55.800		2.105.271	106.674	1.861.957	57.840			23.000	55.800	
5	Giao thông					3.063.323	727.264	1.502.221	282.137	551.701					3.287.645	847.330	1.480.157	408.457	551.701				
6	Hạ tầng đô thị - công nghiệp					3.937.279	461.219	1.597.313	308.976	312.700		1.257.071			3.840.701	381.381	1.578.050	311.499	312.700		1.257.071		
7	Khoa học công nghệ					49.915	49.915								49.403	49.403							
8	Nông nghiệp và PTNT					2.562.110	130.714	532.837	28.288	1.184.384	240.887	225.000		220.000	3.081.562	111.252	486.507	9.844	1.262.204	240.887	480.868		490.000
9	Quản lý nhà nước					550.685	550.685								566.980	566.980							
10	Văn hóa - Xã hội					379.249	153.970	113.223	4.600	107.456					345.282	139.485	84.311	14.030	107.456				
11	Y tế					1.778.511		381.392	41.166	22.520		28.433	1.305.000		1.778.771		384.508	38.310	22.520		28.433	1.305.000	
12	Thu hồi ứng các dự án không thuộc các chương trình mục tiêu					99.780				99.780					122.208		4.251	18.177	99.780				
13	Tất toán công trình hoàn thành					85.497	35.497	50.000							95.690	27.138	68.552						
*	Trong đó: - Đầu tư các dự án thuộc CTMTQG nông thôn mới					1.307.925	25.000	513.877	101.905	667.143					1.560.775	55.500	546.088	217.917	741.270				
I	Chuẩn bị đầu tư					76.766	29.220	47.546							58.110	19.235	38.875						
1	- Nâng cấp, mở rộng trung tâm bảo trợ xã hội Tỉnh	Sở LĐTB&XH	2016-2020	368/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016 của UBND Tỉnh		560	560								560	560							
2	- Dự án Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười	BQL Khu kinh tế ĐT	2017-2023	2433/QĐ-TTg ngày 13/12/2016 của TTCP (QĐ CTĐT)		3.255		3.255							2.915		2.915						
3	- Dự án xây dựng trụ sở UBND cấp xã, tỉnh Đồng Tháp	Sở KH&ĐT	2017-2019	1251/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh		695	695								695	695							
4	- Đường ĐT 849 giai đoạn 1 (đoạn từ ĐT 848 đến QL 80)	Sở GTVT	2017-2021	63/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)		2.000	2.000								2.000	2.000							
5	- Đường ĐT 852B giai đoạn 2	Sở GTVT	2016-2020	416/UBND-KTN ngày 27/6/2016 của UBND Tỉnh		4.500	4.500								4.500	4.500							
6	- Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2017-2021	1259/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh		7.181	7.181								7.181	7.181							
7	- Trụ sở Ban CHQS cấp xã, phường, thị trấn giai đoạn 2016-2020	Bộ CHQS Tỉnh	2017-2019	1184/QĐ-UBND.HC ngày 21/10/2016 của UBND Tỉnh		100	100								100	100							
8	- Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan Tỉnh và Đảng ủy khối các Doanh nghiệp Tỉnh	BQLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2017-2019	1253/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh		500	500								500	500							
9	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện Hồng Ngự	Sở GD&ĐT	2017-2018	196/UBND-KTN ngày 08/4/2016 của UBND Tỉnh		13	13								13	13							
10	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã Hồng Ngự	Sở GD&ĐT	2017-2018	196/UBND-KTN ngày 08/4/2016 của UBND Tỉnh		191	191								191	191							
11	- Đối ứng Chương trình KCH trường lớp học giai đoạn 3 (hỗ trợ huyện Tháp Mười: trường MG Láng Biển, trường THCS Láng Biển)	UBND H.TM	2018-2020	421.424/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Láng Biển)		1.000		1.000							1.000		1.000						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		Trong đó:									
															NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		
12	- Dự án Nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn 2)	BV YHCT	2017-2020	1135/QĐ-UBND.HC ngày 06/10/2016 của UBND Tỉnh		1.067		1.067							1.067			1.067						
13	- Nâng cấp Bệnh viện Quân dân y tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Bộ CHQS Tỉnh	2017-2019	1217/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh		200		200							200			200						
14	- Dự án đầu tư xây dựng Nhà làm việc Đội Cảnh sát PCCC-CHCN khu vực Lấp Vò	Công an Tỉnh	2017-2019	1115/QĐ-UBND-HC ngày 27/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)		380	380								380	380								
15	- Nhà làm việc Ban quản lý khu di tích Xẻo Quýt	Sở VH TT&DL	2017-2019	1136/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)		36	36								36	36								
16	- Kho hiện vật Bảo tàng tổng hợp Đồng Tháp	Sở VH TT&DL	2017-2019	1140/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)		23	23								23	23								
17	- Khu du lịch trọng điểm Khu di tích Xẻo Quýt và Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL	2018-2020	1232/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)		18	18																	
18	- Mẫu số 1, phần thân công trình Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã	Sở XD	2017-2020	186/QĐ-UBND.HC ngày 24/02/2017 của UBND Tỉnh		66		66							66			66						
19	- Mẫu số 2, phần thân công trình Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã	Sở XD	2017-2020	187/QĐ-UBND.HC ngày 24/02/2017 của UBND Tỉnh		66		66							66			66						
20	- Mẫu số 3, phần thân công trình Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã	Sở XD	2017-2020	188/QĐ-UBND.HC ngày 24/02/2017 của UBND Tỉnh		66		66							66			66						
21	- Mẫu số 4, phần thân công trình Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã	Sở XD	2017-2020	189/QĐ-UBND.HC ngày 24/02/2017 của UBND Tỉnh		65		65							65			65						
22	- Cải tạo, nâng cấp kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	2017-2018	197/UBND-KTN ngày 08/4/2016 của UBND Tỉnh		217	217								217	217								
23	- Nâng cấp mở rộng trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Đồng Tháp (tên cũ: Cải tạo, mở rộng trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Đồng Tháp)	Sở LĐTB&XH	2017-2018	258/UBND-ĐT XD ngày 18/7/2017 của UBND Tỉnh		365		365							365			365						
24	- Trường THPT Lai Vung 1	Sở GD&ĐT	2018-2020	1237/QĐ-UBND.HC ngày 12/10/2017 của UBND Tỉnh		426		426							426			426						
25	- Trường THCS-THPT Phú Thành A	Sở GD&ĐT	2018-2020	1311/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh		342		342							342			342						
26	- Mẫu số 2, phần thân công trình Trụ sở làm việc Ban CHQS xã và Công an xã.	Công an Tỉnh	2018-2020	384/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2017 của UBND Tỉnh		60	60								60	60								
27	- Mẫu số 1, phần thân công trình Trụ sở làm việc Ban CHQS xã và Công an xã.	Công an Tỉnh	2018-2020	396/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2017 của UBND Tỉnh		57	57								57	57								
28	- Trường THPT Cao Lãnh 2	Sở GD&ĐT	2018-2020	1306/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh		473		473							473			473						
29	- Dự án Trung tâm Huấn luyện và Bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an Tỉnh	Công an Tỉnh	2016-2020	4978/QĐ-BCA-H43 ngày 23/11/2016 của Bộ Công an		747		747							747			747						
30	- Dự án sửa chữa doanh trại ngành Công an giai đoạn 2017-2020	Công an Tỉnh	2018-2020	536/QĐ-UBND.HC ngày 29/5/2017 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)		497	497								500	500								
31	- Dự án Xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp	Sở TTTT	2018-2020	62/HĐND-KTND ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)		444	444								444	444								
32	- Khu di tích Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện) (hoàn ứng 1.261,8 triệu đồng)	UBND H.CL	2016-2017	671/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND Tỉnh		1.262		1.262							1.262			1.262						
33	- Cải tạo, nâng cấp Trường năng khiếu Thể dục thể thao	Sở VH TT&DL	2015-2017	785/QĐ-UBND.HC ngày 07/8/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)		41		41																
34	- Đường ĐT 846 đoạn từ Tân Nghĩa đến Quốc lộ 30	Sở GTVT	2019-2023	85/HĐND-KTNS ngày 9/6/2016 của HĐND tỉnh (QĐ CTĐT)		1.566		1.566							1.566			1.566						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
35	- Nhà tập luyện các môn võ	Sở VH TT & DL (chuẩn bị đầu tư)	2015-2017	492/QĐ-UBND.HC ngày 01/6/2015 (chủ trương đầu tư); 1218/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 (QĐĐT) của UBND Tỉnh		648	648							648	648								
36	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) + Tiểu dự án: Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT		9.500		9.500						9.500		9.500							
37	- Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và văn hóa Óc Eo tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp	Sở VH TT & DL	2017-2021	1496/QĐ-TTg ngày 05/10/2017 của TTCP		80		80						360		360							
38	- Đường bờ nam kênh Tư Mới (thị trấn Mỹ An - ranh Tiền Giang) (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 30 tỷ đồng)	UBND HTM	2018-2020	630/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND huyện		1.000		1.000						1.000		1.000							
39	- Đường bờ Đông K27 (ĐT 846 - khu du lịch Gò Tháp) (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 10 tỷ đồng)	UBND HTM	2018-2020	629/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND huyện		800		800						800		800							
40	- Đường Huyện lộ số 1 (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 20 tỷ đồng)	UBND H. L. Vung	2017-2020	78/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/3/2017 của UBND huyện		1.500		1.500						1.500		1.500							
41	- Đường Võ Nguyên Giáp (hỗ trợ có mục tiêu cho thị xã 38 tỷ đồng)	UBND TXHN	2018-2020	335/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND thị xã		1.500		1.500						1.500		1.500							
42	- Đường Nguyễn Tất Thành nối dài (hỗ trợ có mục tiêu cho thị xã 36 tỷ đồng)	UBND TXHN	2018-2020	336/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND thị xã		1.000		1.000						1.000		1.000							
43	- Nâng cấp hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp và ứng phó biến đổi khí hậu vùng Cù lao tây, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	UBND HTB	2018-2023	34/QĐ-TTg ngày 10/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ		3.500		3.500						3.130		3.130							
44	- Đường Thống Nhất (Gò Cát - Quốc lộ 30) (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 30,66 tỷ đồng)	UBND HTH	2018 - 2020	98/QĐ-UBND.XDCB ngày 31/10/2017 của UBND huyện		1.800		1.800						1.800		1.800							
45	- Đường Hoàng Sa, TPSPĐ	Ban QLDA ĐTXD CT giao thông Tỉnh	2018-2020	240/HĐND-KTNS ngày 27/10/2017 của HĐND Tỉnh		1.700		1.700						1.700		1.700							
46	- Nâng cấp, cải tạo cầu Sắt Quay và cầu Hang, TPSPĐ	Sở GTVT	2018-2020	1141/QĐ-UBND.HC ngày 29/9/2017 của UBND Tỉnh		400		400						400		400							
47	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 1)	Sở GTVT	2018-2020	39/HĐND-KTNS ngày 21/3/2018 của HĐND Tỉnh		2.859		2.859						2.859		2.859							
48	- Trường THPT Lai Vung 2	Sở GD&ĐT	2019-2020	137/QĐ-UBND ngày 06/2/2018 của UBND Tỉnh		400		400						400		400							
49	- Trường TH Vĩnh Thới 2	UBND H. L. Vung	2017-2020	310/QĐ-UBND-XDCB ngày 31/10/2017 của UBND huyện		500		500						500		500							
50	- Trường MN Phong Mỹ B	UBND HCL	2018-2020	487/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện		500		500						500		500							
51	- Trường TH Tân Huệ 2 (điểm chính + điểm C ấp Tân Bình Thượng)	UBND HTB	2018-2020	25/QĐ-UBND.HC ngày 02/2/2018 của UBND huyện		500		500						500		500							
52	- Chuẩn bị đầu tư ngân sách tập trung	Toàn tỉnh				10.000	10.000																
53	- Chuẩn bị đầu tư xổ số kiến thiết	Toàn tỉnh				9.000		9.000															
54	- Hạ tầng Khu công nghiệp Ba Sao	BQL Khu kinh tế ĐT	2020	Số 70/QĐ-KKT ngày 26/6/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế Đồng Tháp										490	490								
55	- Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Sở KH&ĐT	2020	22/QĐ-UBND-HC ngày 10/01/2020 của UBND Tỉnh		1.100	1.100							640	640								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
56	Trường THPT thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2019-2022	90/QĐ-SXD ngày 28/10/2019 của Sở Xây dựng										800			800						
II	An ninh Quốc phòng					425.107	425.107							410.075	410.075								
1	- Doanh trại Trung đoàn bộ binh 320	Bộ CHQS Tỉnh	2015-2016	1083/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/ 2014 của UBND Tỉnh	9.100	5.500	5.500							5.500	5.500								
2	- Nhà ở và làm việc Ban CHQS xã, phường và thị trấn giai đoạn 2013 - 2015	Bộ CHQS Tỉnh	2013-2017	780/QĐ-UBND.HC ngày11/9/ 2012 của UBND Tỉnh	42.911	17.000	17.000							17.000	17.000								
3	- Xây dựng mới Đại đội BB2, Tiểu đoàn BB1, Trung đoàn BB320	Bộ CHQS Tỉnh	2014-2016	1103/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2013 của UBND Tỉnh	29.699	5.454	5.454							5.730	5.730								
4	- Mở rộng Công an TP Cao Lãnh (Tinh đổi ứng đền bù, XD hàng rào)	Công an Tỉnh	2016-2018	6165/QĐ-BCA-H41, ngày 30/10/2015; 2080/QĐ-BCA-H41 ngày 15/6/2017 của Bộ CA; 44/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND TPCL (đền bù bổ sung)	83.088	41.336	41.336							41.335	41.335								
5	- Sở Chi huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng (công trình bí mật nhà nước)	Bộ CHQS Tỉnh	2014-2016	1399/QĐ-BTL ngày 31/10/2013 của BTL QK 9	49.217	13.258	13.258							13.258	13.258								
6	- Doanh trại các Đại đội trực thuộc Bộ CHQS Tỉnh	Bộ CHQS Tỉnh	2016-2017	1228/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	14.084	10.267	10.267							10.295	10.295								
7	- Kho vũ khí đạn Bộ Chi huy bộ đội Biên phòng tỉnh kết hợp kho chứa vũ khí đạn Tiểu đoàn 19	BCH BDBP Tỉnh	2016-2017	370/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016 của UBND Tỉnh	3.485	2.852	2.852							2.852	2.852								
8	- Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, kinh tế, ma túy và Đội cảnh sát hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Châu Thành	Công an Tỉnh	2016-2017	367/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/3016 của UBND Tỉnh	2.251	1.858	1.858							1.858	1.858								
9	- Nhà làm việc đội Cảnh sát PCCC & CHCN khu vực Lấp Vò (NS Tỉnh đối ứng)	Công an Tỉnh	2017-2020	1115/QĐ-UBND-HC ngày 27/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	24.783	9.500	9.500							9.824	9.824								
10	- Doanh trại Đội quy tập hài cốt liệt sỹ K91 (Đội K91)	Bộ CHQS Tỉnh	2016-2017	1229/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	4.253	4.038	4.038							4.116	4.116								
11	- Nhà tạm cho đội cảnh sát đường thủy khu vực Tháp Mười	Công an Tỉnh	2017-2019	1138/QĐ-UBND-HC ngày 29/10/2015 của UBND Tỉnh	1.526	1.251	1.251							665	665								
12	- Trụ sở Ban CHQS cấp xã, phường, thị trấn giai đoạn 2016 - 2020	Bộ CHQS Tỉnh	2017-2019	1184/QĐ-UBND.HC ngày 21/10/2016 của UBND Tỉnh	27.416	24.700	24.700							24.700	24.700								
13	- Cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới nhà kho cất chứa vũ khí, đạn Tiểu đoàn BB1 và các Đại đội biên giới	Bộ CHQS Tỉnh	2017	362/QĐ-BTL ngày 24/7/2017 của Bộ Tư lệnh Quân khu 9	1.500	1.408	1.408							1.408	1.408								
14	- Trạm KSBP Thông Bình	BCH BDBP Tỉnh	2017-2019	1250/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	7.014	7.000	7.000							6.877	6.877								
15	- Trạm KSBP Ba Nguyễn	BCH BDBP Tỉnh	2017-2019	1249/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	7.050	7.000	7.000							6.803	6.803								
16	- Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn (giai đoạn 3)	Công an Tỉnh	2016-2020	365/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016 của UBND Tỉnh	53.363	48.000	48.000							47.884	47.884								
17	- Sửa chữa doanh trại ngành công an giai đoạn 2017-2020 (thay thế dự án Di dời Khu tạm giữ Công an TP Cao Lãnh)	Công an Tỉnh	2018-2020	536/QĐ-UBND.HC ngày 29/5/2017; 1307/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	13.686	13.186	13.186							12.990	12.990								
18	- Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục doanh trại Trung đoàn bộ binh 320 và Tiểu đoàn bộ binh 1 (tên cũ: Cải tạo, sửa chữa Trường Quân sự tỉnh Đồng Tháp)	Bộ CHQS Tỉnh	2019-2021	1019/QĐ-UBND.HC ngày 20/9/2019 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	26.699	21.600	21.600							10.000	10.000								
19	- Đầu tư xây dựng chung trụ sở Ban CHQS xã và công an xã (hỗ trợ cấp huyện)	UBND cấp huyện	2016-2020	657/UBND-KTN ngày 28/10/2015 của UBND Tỉnh	129.000	108.956	108.956							105.340	105.340								
20	- Đối ứng 03 đồn biên phòng Cầu Muống, Bình Thạnh, cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà (NS Tỉnh đối ứng 50%)	BCH BDBP Tỉnh	2018-2020	3124/QĐ-BQP ngày 05/8/2018 của Bộ Quốc phòng	108.320	54.000	54.000							54.000	54.000								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
21	- Trường bắn Lữ đoàn 962/Quân khu 9 (hỗ trợ có mục tiêu)	Lữ đoàn 962/Quân khu 9	2016	1766/QĐ-BTL ngày 28/10/2015 của Bộ tư lệnh Quân khu 9	4.349	400	400							400	400								
22	- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Tháp Mười	Bộ CHQS Tỉnh	2015-2017	212/QĐ-UBND.HC ngày 18/3/2014 của UBND Tỉnh	29.367	7.000	7.000							7.000	7.000								
23	- Công trình chiến đấu - hạng mục bồi thường, GPMB thuộc xã Bình Phú, huyện Tân Hồng	Bộ CHQS Tỉnh	2018-2019	610/QĐ-UBND.HC ngày 05/6/2018; 854/QĐ-UBND.HC ngày 31/7/2018 của UBND Tỉnh	1.343	1.343	1.343							1.343	1.343								
24	- Chốt dân quân và công trình chiến đấu	Bộ CHQS Tỉnh	2018-2020	213/QĐ-UBND.HC ngày 01/10/2018 của UBND Tỉnh	16.956	15.200	15.200							15.200	15.200								
25	- Hội trường Công an huyện Châu Thành (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	UBND HCT	2019-2020	Công văn số 93/UBND-ĐT XD ngày 06/4/2020 của UBND Tỉnh	3.697	3.000	3.000							3.697	3.697								
III	Công nghệ thông tin					161.763	139.863			21.900				161.349	139.449			21.900					
1	- Lắp đặt màn hình, bảng điện tử phục vụ công tác thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn I	Sở TTTT	2016-2017	1230/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	11.618	10.163	10.163							10.163	10.163								
2	- Nâng cấp phần mềm một cửa điện tử và triển khai cho cấp xã.	Sở TTTT	2017-2018	1248/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	15.334	13.800	13.800							13.800	13.800								
3	- Tăng cường an toàn, an ninh thông tin mạng cho các cơ quan nhà nước.	Sở TTTT	2016-2017	251/QĐ-UBND.HC ngày 02/3/2016 của UBND Tỉnh	14.973	13.210	13.210							13.210	13.210								
4	- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành y tế tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	2019-2020	1207/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2015; 1176/QĐ-UBND-HC ngày 02/10/2018 của UBND Tỉnh	29.582	26.000	26.000							26.000	26.000								
5	- Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Đồng Tháp	Sở Nội vụ	2016-2018	1223/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh	5.751	5.400	5.400							5.200	5.200								
6	- Xây dựng hệ thống mạng thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp	Sở TNMT	2017-2018	1246/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	9.694	9.500	9.500							9.286	9.286								
7	- Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn I, TP Sa Đéc	Sở TNMT	2017-2019	1247/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	8.056	7.000	7.000							7.000	7.000								
8	- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 – 2020	VP Tỉnh ủy	2017-2020	1222/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh	38.933	35.000	35.000							35.000	35.000								
9	- Xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến các ban Đảng của Tỉnh ủy	VP Tỉnh ủy	2016	717/QĐ-UBND-HC ngày 28/7/2015 của UBND Tỉnh	853	790	790							790	790								
10	- Xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp (tên cũ: xây dựng chính phủ điện tử trên địa bàn tỉnh ĐT)	Sở TTTT	2017-2020	62/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	46.408	40.900	19.000			21.900				40.900	19.000			21.900					
IV	Giáo dục và đào tạo					2.020.866	106.756	1.815.468	42.842				55.800	2.105.271	106.674	1.861.957	57.840				23.000	55.800	
1	- Dự án mua sắm trang thiết bị dạy nghề kỹ thuật máy lạnh và điều không khí cho Trường Trung cấp nghề - GDTX Tháp Mười	Sở LĐTB&XH	2016	948/QĐ-UBND.HC ngày 19/4/2015 của UBND Tỉnh	3.305	3.000		3.000						3.000		3.000							
2	- Tiểu dự án BT-GPMB để xây dựng công trường Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp (đối ứng đền bù)	TTPTQNB Tỉnh	2016-2017	1442/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND Tỉnh	26.939	26.921	26.921							26.000	26.000								
3	- Trường Cao đẳng nghề ĐT (Khu Trường chính trị và Toà án cũ)	Trường CĐ Nghề ĐT	2015-2016	53/QĐ/SKH-ĐT ngày 29/6/2015 của Sở KH & ĐT	3.864	2.133	2.133							2.133	2.133								
4	- Trường THPT Cao Lãnh I	Sở GD&ĐT	2011-2016	238/QĐ-UBND.HC ngày 18/3/2011; 77/QĐ-UBND.HC ngày 20/01/2016 của UBND Tỉnh	27.028	2.500	2.500							2.500	2.500								
5	- Trường THPT Châu Thành I	Sở GD&ĐT	2014-2016	904/QĐ-UBND.HC ngày 13/9/2013 của UBND Tỉnh	26.793	2.639	2.639							2.639	2.639								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
6	- Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Sở GD&ĐT	2012-2016	964/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2012; 78/QĐ-UBND.HC ngày 20/01/2016 của UBND Tỉnh	92.033	4.540	4.540							4.540	4.540								
7	- Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu, giai đoạn 2	Sở GD&ĐT	2015-2017	1102/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2014 của UBND Tỉnh	27.920	20.900	10.000	10.900						20.900	10.000	10.900							
8	- Trường trung cấp nghề - TTGDTX huyện Thanh Bình	Sở LĐTB&XH	2015-2018	985/QĐ-UBND.HC ngày 9/10/2014 của UBND Tỉnh	77.197	47.000		47.000						47.885		47.885							
9	- Ứng dụng công nghệ thông tin ngành giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp	Sở GD&ĐT	2014-2018	1085/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2013 của UBND Tỉnh	46.358	23.866	12.486	11.380						23.798	12.486	11.312							
10	- Mở rộng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	Trường CD Y tế ĐT	2014-2018	1095/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2013 của UBND Tỉnh	93.479	32.892	21.392	11.500						32.850	21.392	11.458							
11	- Mua sắm thiết bị ngoại ngữ các trường phổ thông trên địa bàn Tỉnh	Sở GD&ĐT	2017-2020	1218/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh	63.840	57.400		57.400						55.014		55.014							
12	- Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp (đối ứng xây dựng)	Công an Tỉnh	2016-2020	4539/QĐ-BCA-H41, ngày 10/11/2010; 6135/QĐ-BCA-H41 ngày 30/10/2015; 1184/QĐ-PCA-H41 ngày 18/4/2017 của Bộ Công An	58.788	33.414		33.414						37.200		37.200							
13	- Đối ứng, hỗ trợ có mục tiêu các dự án Trường học của 12 huyện, thị xã và thành phố	UBND cấp huyện	2015-2017	Dự án chuyển tiếp của giai đoạn trước	369.564	124.108		124.108						124.108		124.108							
14	- Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở GD&ĐT, UBND huyện, thị, thành	2016-2022	246h/HĐND-KTNS ngày 30/10/2015 của HĐND Tỉnh	1.628.476	1.361.074	9.000	1.278.274	18.000			55.800		1.388.736	8.789	1.288.195	22.952			13.000	55.800		
15	- Mua sắm trang thiết bị bàn ghế học sinh cho các Trường Phổ thông trên địa bàn Tỉnh	Sở GD&ĐT	2017-2019	1091/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2016 của UBND Tỉnh	22.385	17.325		15.325	2.000					17.325		15.325	2.000						
16	- Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Cao đẳng nghề Đồng Tháp	Trường CD Nghề ĐT	2016-2018	369/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016 của UBND Tỉnh	5.400	4.902	1.502	3.400						4.473	1.502	2.971							
17	- Mua sắm thiết bị mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2011 -2015	Sở GD&ĐT	2016-2018	1219/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	51.788	48.254	13.643	34.611						48.214	13.643	34.571							
18	- Chương trình xây dựng Trung tâm Văn hoá-Học tập cộng đồng cấp xã giai đoạn 2016-2020 (hỗ trợ cấp huyện)	UBND cấp huyện	2017-2020	242/HĐND-KTNS ngày 29/10/2015; 309/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND Tỉnh	190.141	127.958		115.958	12.000					125.645		107.899	17.746						
19	- Nhà tập luyện các môn võ	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2017-2019	1297/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017 (thay thế 1218/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015) của UBND Tỉnh	20.395	15.100		15.100						15.100		15.100							
20	- Cải tạo, nâng cấp Trường Năng khiếu TDTT	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2018-2020	785/QĐ-UBND.HC ngày 07/8/2015; 1059/QĐ-UBND.HC ngày 12/9/2018 của UBND Tỉnh	12.765	12.700		12.700						12.700		12.700							
21	- Trường CDCĐ và Khu tái định cư phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh (hoàn ứng)	TTPTQNĐ Tỉnh	2017	316/UBND-ĐTXD ngày 29/8/2017 của UBND Tỉnh	1.842	1.842		1.842						1.842			1.842						
22	Nâng cấp, mở rộng trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2019-2021	200/QĐ-UBND.HC ngày 12/3/2019 của UBND Tỉnh	30.809	12.200		12.200						10.000		10.000							
23	Trường Trung học Phổ thông chuyên Nguyễn Đình Chiểu (giai đoạn 2) (NS Tỉnh đối ứng vốn ODA)	Sở Giáo dục Đào tạo	2017-2020	1156/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2015; 1392/QĐ-UBND.HC ngày 19/11/2019 của UBND Tỉnh	23.287	9.000		9.000						19.000		9.000			10.000				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP
24	Trường MN Thông Bình	UBND huyện TH	2019-2021	Số 223/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2018 của UBND huyện	10.894	1.500		1.500						5.500			1.500	4.000				
25	Trường TH Thông Bình 3	UBND huyện TH	2019-2021	Số 221/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2018 của UBND huyện	12.255	2.000		2.000						6.000			2.000	4.000				
26	Trường TH-THCS Thông Nhất	UBND huyện TH	2019-2021	Số 224/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2018 của UBND huyện	14.198	2.000		2.000						7.300			2.000	5.300				
27	Trường THCS Thường Lạc (tên cũ: Trường THCS Thường Thới Hậu B)	UBND huyện HN	2019-2021	3794/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện	11.702	1.000		1.000						3.500			3.500					
28	Trường TH Thường Lạc 2 (tên cũ: Trường TH Thường Thới Hậu B2)	UBND huyện HN	2019-2021	2279/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 của UBND huyện	29.600	3.000		3.000						7.000			7.000					
29	Trường THCS Thường Phước 1	UBND huyện HN	2019-2021	2284/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 của UBND huyện	50.480	3.080		3.080						1.100			1.100					
30	Trường THCS Thường Thới Hậu A	UBND huyện HN	2019-2021	2280/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 của UBND huyện	34.900	3.500		3.500						7.000			7.000					
31	Trường MN Phương Thịnh	UBND huyện CL	2020-2021	Số 475/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện	14.814	3.000		3.000						11.683			11.683					
32	Trường MN Ba Sao	UBND huyện CL	2020-2021	Số 578/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện	26.932	3.500		3.500						20.368	1.050		19.318					
33	Trường TH Bình Hàng Trung 2	UBND huyện CL	2020-2021	Số 580/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện	22.471	3.000		3.000						6.600			6.600					
34	Trường TH thị trấn Lai Vung 2	UBND huyện Lai Vung	2020-2022	Số 388/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/10/2019 của UBND huyện	30.551	3.618		3.618						3.618			3.618					
V	Giao thông					3.063.323	727.264	1.502.221	282.137	551.701				3.287.645	847.330	1.480.157	408.457	551.701				
1	- Cầu bệnh viện (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TN	2017-2018	50/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016 của UBND huyện	12.644	8.500		3.500	5.000					8.500			3.500	5.000				
2	- Cầu Rạch Miễu 2, huyện Cao Lãnh (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CL	2015-2016	610/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND H.CL	23.550	6.000		6.000						6.000			6.000					
3	- Cụm dân cư Long Sơn Ngọc (phía Tây), xã Thông Bình, huyện Tân Hồng; hạng mục: đường giao thông và hệ thống cấp, thoát nước	UBND H.TH	2016-2017	936/QĐ-UBND.HC ngày 09/8/2016 của UBND Tỉnh	6.006	1.400			1.400													
4	- Đối ứng dự án cầu qua kênh Tân Thành, Khu KTQP Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp/QK9	Đoàn KTQP 959	2015-2016	4486/QĐ-BQP ngày 30/10/2014 của Bộ Quốc phòng	25.342	11.621		11.621						11.621			11.621					
5	- Đường An Hòa - Hòa Bình, đoạn từ UBND xã Phú Thành B đến đường ĐT 843 (Km10 - Km15) - (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TN	2017-2018	313/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND huyện	14.949	13.000		6.000	7.000					13.000			6.000	7.000				
6	- Đường ấp 1, xã Bình Hàng Tây (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CL	2016-2017	548/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND huyện Cao Lãnh	2.295	2.000		2.000						2.000			2.000					
7	- Đường ĐT 845 đoạn Hòa Bình - Tân Phước (Km 41 - Km 42)	Sở GTVT	2014-2016	731/QĐ-UBND.HC ngày 26/7/2013; 978/QĐ-UBND.HC ngày 26/5/2016 của UBND Tỉnh (đ/c TG TH)	22.689	746	746							746	746							
8	- Đường ĐT 846 (Đoạn Km 8 - Km 18)	Sở GTVT	2012-2016	76/QĐ-UBND.HC ngày 25/01/2011 của UBND Tỉnh	197.213	690	690							690	690							
9	- Đường ĐT 852 đoạn ĐT 848 đến cầu Cao Mên	Sở GTVT	2016	1426/QĐ-UBND.HC ngày 28/12/2015 của UBND Tỉnh	323	323	323							323	323							
10	- Đường ĐT 852B đoạn từ ĐT 849 - Đường huyện 64, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2012-2017	757a/QĐ-UBND.HC ngày 01/9/2011; 266/QĐ-UBND.HC ngày 07/4/2014 của UBND Tỉnh	784.000	162.400	12.200	6.000		144.200				161.900	12.100	5.600		144.200				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
11	- Đường ĐT854	Sở GTVT	2007-2017	1920/QĐ-UBND.HC ngày 20/12/2006; 134/QĐ-UBND-HC ngày 29/1/2016 của UBND Tỉnh	154.893	62.647		62.647						62.404			62.404						
12	- Đường Mỹ Thọ - Tân Hội Trung (Km 0+000 - Km 5+800,7) - (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CL	2015-2017	376/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của UBND H. CL	15.653	8.000		8.000						8.000			8.000						
13	- Đường nối từ Quốc lộ 54 đến cụm công nghiệp Đình An (giai đoạn 1) - NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	UBND H. Lấp Vò	2015-2016	2591/QĐ-UBND.HC ngày 24/10/2014 của UBND huyện Lấp Vò	42.412	11.913		11.913						11.913			11.913						
14	- Đường ra cửa khẩu phụ Bình Phú (đoạn Km 0+000 - Km 1+415,64) - NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	UBND H.TH	2014-2016	144/QĐ-UBND.XDCB ngày 28/5/2013 của UBND TH	12.317	4.000		4.000						4.000			4.000						
15	- Đường vành đai ĐT.848 và cầu Sa Đéc 2 thị xã Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1	Sở GTVT	2013-2017	306/QĐ-UBND.HC ngày 04/04/2013, 1233/QĐ-UBND.HC ngày 02/12/2013 của UBND Tỉnh	564.433	93.500		90.000	3.500					93.500			90.000	3.500					
16	- Hạ tầng khu đô thị bờ Nam thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CL	2015-2017	1086/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2014 của UBND Tỉnh	66.279	13.000		13.000						13.000			13.000						
17	- HTKT các tuyến đường còn lại ngoài khu nhà ở sinh viên và khu tái định cư phường 6, TP. Cao Lãnh	TTPTQND Tỉnh	2015-2016	627/QĐ-UBND.HC ngày 9/7/2014 của UBND Tỉnh	8.408	2.456		2.456						2.456			2.456						
18	- Nâng cấp bến khách ngang sông Phong Hòa - Ô Môn (HM: Cầu Thông Lưu và cầu Rạch Xép trên đường ĐT nối dài)	TTKD&BD CTGT ĐT	2013-2017	759/QĐ-UBND.HC ngày 06/8/2013 của UBND Tỉnh	67.699	6.078		6.078						6.078			6.078						
19	- Đường vào khu du lịch làng hoa kiểng thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	UBND TPŞĐ	2015-2019	1070/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2014 của UBND Tỉnh	81.029	44.000		10.600		33.400				43.999			10.599		33.400				
20	- Đường nội bộ vào nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và nguy hại	Cty CP CN&MTĐT ĐT	2017-2018	1233/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016	1.883	1.800		1.800						1.800			1.800						
21	- Cầu Ba Bọng trên tuyến đường ĐT 848	Sở GTVT	2017-2018	1237/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	11.418	8.477		7.977	500					8.082			7.582	500					
22	- Cầu Cà Môn thuộc tuyến đường ĐT 856	Sở GTVT	2016-2018	346/QĐ-UBND-HC ngày 29/3/2016; 273/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND Tỉnh	26.426	23.250	350	18.900	4.000					23.250	350		18.900	4.000					
23	- Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2017-2021	58/HĐND-KTNS ngày 22/3/2016; 16/HĐND-KTNS ngày 23/01/2017 của HĐND Tỉnh	1.208.245	1.057.000	311.227	541.672		204.101				1.043.874	401.649		438.124		204.101				
24	- Mở rộng đường qua Công ty Ty Thạc (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TM	2017-2018	262/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND huyện	50.195	20.000		20.000						20.000			20.000						
25	- Đường ĐT 846 đoạn Mỹ An - Bàng Lãng	Sở GTVT	2016-2020	58/QĐ-UBND.HC ngày 17/01/2014 của UBND Tỉnh	149.427	106.800	30.800	9.869	66.131					106.792	30.800		9.869	66.123					
26	- Đường ĐT 849 giai đoạn 1 (đoạn từ ĐT 848 đến QL 80)	Sở GTVT	2017-2021	63/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	202.579	180.000		80.000		100.000				165.000			65.000		100.000				
27	- Hoàn chỉnh đường ĐT 854	Sở GTVT	2016-2020	241/HĐND-KTNS ngày 29/10/2015 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	81.537	81.000		11.000		70.000				70.000					70.000				
28	- Đường Ngô Gia Tự (đoạn từ QL54 tới cầu Long Thành) - (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H. Lai Vung	2017-2019	277/QĐ-UBND-XDCB ngày 07/10/2016 của UBND huyện Lai Vung	32.417	20.600		10.600	10.000					20.600			10.600	10.000					
29	- Đường DH 64 đoạn từ đường ĐT 848 đến cầu Lấp Vò (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H. Lấp Vò	2016-2018	1349/QĐ-UBND.HC ngày 12/7/2016; 7746/QĐ-UBND.HC ngày 12/10/2016 của UBND huyện	62.605	25.000		25.000						25.000			25.000						
30	- Mở rộng đường nhựa liên xã Long Khánh A-B và đường nhựa liên xã Long Thuận, Phú Thuận A-B (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.HN	2018-2020	3387a/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND huyện (QĐ CTĐT)	81.011	50.000		50.000						50.000			50.000						
31	- Sửa chữa đường ĐT 844 đoạn từ An Long đến thị trấn Tràm Chim	Sở GTVT	2016-2018	822/QĐ-UBND-HC ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh	70.315	59.500		59.500						54.500			54.500						8

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	
32	- Cầu Rạch Chùa trên tuyến đường ĐT 848	Sở GTVT	2017-2018	1154/QĐ-UBND.HC ngày 03/10/2017 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	12.865	11.386		914	10.472						10.978		886	10.092						
33	- Đường bờ nam kênh Tư Mói, huyện Tháp Mười (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TM	2018-2020	457/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện (QĐ CTĐT)	36.880	44.000	15.000	29.000							52.500	23.500	29.000							
34	- Hệ thống cầu trên tuyến kênh Hội Đồng Tường (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CL	2016-2018	217/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND H. CL	32.335	19.000		19.000							19.000		19.000							
35	- Mở rộng mặt đường ĐT 845 đoạn Mỹ An – Trường Xuân	Sở GTVT	2018-2020	1020/QĐ-UBND.HC ngày 01/9/2017 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	96.830	90.476	89.900		576						84.494	83.918		576						
36	- Đường ĐH 69 đoạn từ cống Hùng Cường (ĐT 849) đến xã Long Hưng A (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H. Lấp Vò	2017-2018	7621/QĐ-UBND.HC ngày 22/9/2016 của UBND huyện	70.800	45.000	10.000	15.000	20.000						45.000	10.000	15.000	20.000						
37	- Cầu Bà Gọ (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CT	2016-2018	222/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND huyện CT	3.400	1.200		1.200							1.200		1.200							
38	- Cầu Xẻo Trầu, Xẻo Lò và Xẻo Dời (NS tỉnh hỗ trợ phần XD và thanh toán ở KBNN ĐT)	UBND H.CT	2016-2018	215/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND huyện Châu Thành	34.120	21.500		14.000	7.500						21.500		14.000	7.500						
39	- Cầu Đường Gạo 1 (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TN	2016-2017	428/QĐ-UBND.HC ngày 11/9/2014 của UBND huyện TN	9.363	4.500		4.500							4.500		4.500							
40	- Đường nối tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước Xuyên, huyện Tân Hồng (NS tỉnh hỗ trợ và thanh toán ở KBNN ĐT)	UBND H.TH	2016-2018	269/QĐ-UBND.XDCB, ngày 29/10/2015; 17/QĐ-UBND.XDCB ngày 25/01/2018 của UBND TH	3.597	1.582		1.582							1.582			1.582						
41	- Đường ô tô về trung tâm hai xã Phú Lợi - Tân Mỹ (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TB	2016-2018	31/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND huyện	13.521	10.000		1.459	8.541						10.000		1.459	8.541						
42	- Đường Sông Tiền (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu phần xây lắp)	UBND H.CT	2017-2019	911A/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND CT	56.012	39.000		24.000	15.000						39.000		24.000	15.000						
43	- Đường cấp kênh Hội Đồng Tường (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.CL	2018-2020	196/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của UBND huyện CL	78.894	50.000		35.000	15.000						50.000		35.000	15.000						
44	- Đường Phù Đồng nối dài (giai đoạn 1)	Sở GTVT	2016-2018	1234/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 645/QĐ-UBND-HC ngày 19/6/2017; 1073/QĐ-UBND-HC ngày 14/9/2018 của UBND Tỉnh	33.301	30.000		24.000	6.000						28.259		22.259	6.000						
45	- Nâng cấp hệ thống giao thông thoát nước xử lý chống ngập ứng thị trấn sa Rài (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TH	2016-2019	198/QĐ-UBND.XDCB ngày 27/9/2016 của UBND huyện TH	35.893	30.000		30.000							30.000		20.000	10.000						
46	- Mở rộng nút giao và đường kết nối ĐT 845 với tuyến N2	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2018-2020	794/QĐ-UBND-HC ngày14/7/2017 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	22.198	22.198	21.800		398						19.924	19.526		398						
47	- Đường ĐT 853 nối dài (giai đoạn 1)	TTPTQNĐ Tỉnh	2016-2017	976/QĐ-UBND-TNMT ngày 29/12/2014; 463/QĐ-UBND-TNMT ngày 04/8/2016 của UBND Lai Vung	36.918	8.295	7.916		379						8.295	7.916		379						
48	- Đường Việt Thước (từ QL30 cũ - kênh Tân Thành Lò Gạch) (NS Tỉnh đối ứng)	Đoàn KTQP 959	2017-2018	313/QĐ-BTL ngày 15/7/2016 của Bộ tư lệnh Quân khu 9	38.208	12.000		12.000							12.000		12.000							
49	- Đường ĐT 846 đoạn từ Tân Nghĩa đến Quốc lộ 30	Sở GTVT	2016-2021	85/HĐND-KTNS ngày 9/6/2016 của HĐND tỉnh (QĐ CTĐT); 1300/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017, 1621/QĐ-UBND.HC ngày 23/12/2019 của UBND Tỉnh	178.786	169.047	169.047								169.047	169.047								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
50	- Đường Thống Nhất (Gò Cát - Quốc lộ 30) - (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu phân xây lắp)	UBND H.TH	2018-2020	408/UBND-ĐT XD ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh; 89/QĐ-UBND.XDCB ngày 11/4/2016 của UBND huyện	42.815	28.860		28.860						28.860			28.860						
51	- Đường bờ đồng kênh K27 (từ Khu di tích Gò Tháp đến ĐT846) - (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TM	2018-2020	463/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2016 của UBND huyện	23.000	21.200		21.200						28.900			28.900						
52	- Đường An Hòa - Hòa Bình đoạn từ cầu K8 đến cầu kênh Tân Công Sinh (Km20-Km26), huyện Tam Nông (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TN	2018-2020	209/QĐ-UBND -HC ngày 28/9/2017 của UBND huyện	27.902	20.000		20.000						20.000			20.000						
53	- Đường huyện lộ số 1 (Hòa Thành - Tân Dương) - (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H. Lai Vung	2018-2020	78/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/3/2017 của UBND huyện	24.800	18.500		18.500						18.500			8.500	10.000					
54	- Đường Bình Thành - Bình Tấn (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND H.TB	2018-2020	87, 88, 89/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016 của UBND huyện	28.073	20.000		20.000						20.000				20.000					
55	- Đường liên huyện Tân Hội Trung - Thanh Mỹ	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2020	1447/QĐ-UBND-HC ngày 21/11/2018 của UBND Tỉnh	69.512	40.000		40.000						40.000			40.000						
56	Đường kết nối vào nhà máy tái chế bùn thải khu bãi rác Đập Đá, huyện Cao Lãnh (NS tỉnh hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND huyện Cao Lãnh	2019-2020	621/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện	2.964	2.900	2.900							2.900	2.900								
57	- Tuyến đường nối vào cầu và đền bù, giải phóng mặt bằng cầu Nguyễn Huệ (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND CT	2019-2021	1786/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND huyện	22.566	20.000	20.000							20.000	20.000								
58	- Đường An Hòa - Hòa Bình đoạn từ cầu kênh Tân Công Sinh 1 đến cầu Ngã Năm (Km26+072 - Km31+255) (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện TN	2019-2020	298/QĐ-UBND.HC ngày 14/12/2018 của UBND huyện	49.761	25.000		25.000						25.000			25.000						
59	Hệ thống cầu trên tuyến đường Tân Thuận A-B, xã Tân Dương, huyện Lai Vung (ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2019-2020	438/QĐ-UBND-XDCB ngày 14/12/2018 của UBND huyện	14.998	11.000		11.000						11.000			11.000						
60	Đường vành đai Tây Bắc thuộc khu di tích Gò Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2021	463/QĐ-UBND.HC ngày 24/5/2019 của UBND Tỉnh	25.647	15.000			15.000					15.000				15.000					
61	- Đường Tân Việt Hòa (đoạn từ cầu Rạch Miễu đến UBND xã Tịnh Thới) (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND thành phố Cao Lãnh	2019-2021	249/QĐ-UBND ngày 22/07/2019 của UBND TPCL	34.269	20.000			20.000					20.000			18.740	1.260					
62	- Sửa chữa cầu Khu Sáu trên tuyến đường ĐT844	Sở GTVT	2019-2020	687/QĐ-UBND-HC ngày 15/7/2019 của UBND Tỉnh	9.608	8.365	8.365							8.365	8.365								
63	- Ba tuyến đường xung quanh Trường THCS Nguyễn Chí Thanh (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho TPCL)	UBND TPCL	2020-2021	637/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND TPCL	14.870	8.000	8.000							8.000	8.000								
64	- Nâng cấp cải tạo đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm An Bình, huyện Cao Lãnh (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	UBND H.CL	2020-2021	382/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND huyện	9.025	7.000	7.000							7.000	7.000								
65	- Đường kết nối ĐT853 (Đồng Tháp) – ĐT908 (Vĩnh Long) (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	UBND CT	2020-2022	Số 1785/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND huyện	58.502	11.000	11.000							11.000	11.000								
66	- Hệ thống giao thông gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Tháp Mười giai đoạn 2017-2020 (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 6,873 tỷ đồng)	UBND TM	2019-2020	298/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND huyện	79.709	6.873		6.873						6.873			6.873						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	
67	- Xây dựng 06 cầu trên tuyến đường huyện 30/4 (NS Tinh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	UBND Lai Vung	2020-2021	53/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/2/2017 của UBND huyện	14.813	11.000		11.000							11.000			11.000						
68	Nâng cấp đường ĐT841 và xây dựng mới cầu Sờ Thượng 2	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2022	251/NQ-HĐND ngày 16/7/2019; 292/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND Tỉnh	328.171	20.000			20.000						70.000			50.000	20.000					
69	- Nâng cấp đường ĐT 848 đoạn từ vòng xoay khu công nghiệp C đến nút giao ĐT 849	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2021	921/QĐ-UBND- HC ngày 30/8/2019 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	79.125	33.740		10.000	23.740						53.740			30.000	23.740					
70	- Nâng cấp đường ĐT 848 đoạn từ nút giao ĐT 849 đến cầu Cái Tàu Thượng	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2021	973/QĐ-UBND- HC ngày 12/9/2019 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	79.000	10.000		5.000	5.000						25.000			20.000	5.000					
71	- Nâng cấp đường ĐT 846 đoạn Mỹ An - Bàng Lãng	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2020-2022	1177/QĐ-UBND-HC ngày 14/10/2019 của UBND Tỉnh	78.865	10.000		5.000	5.000						25.000			20.000	5.000					
72	Nâng cấp hạ tầng giao thông vào khu di tích Bắc Dầu - Khu diễn tập quân sự huyện Thanh Bình; hạng mục: Cầu Bình Thành 4, nút vòng xoay và đường vào khu di tích Bắc Dầu (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Thanh Bình	2020-2021	185/QĐ-UBND.HC ngày 28/7/2020 của UBND huyện	11.634										11.000	11.000								
73	Chính trang khu dân cư An Long (giai đoạn 1) (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Tam Nông	2020	244/QĐ-UBND-HC ngày 27/02/2020 của UBND huyện	14.750										12.000			12.000						
74	Nâng cấp hệ thống giao thông thoát nước chống ngập úng thị trấn Sa Rài (Giai đoạn 2) (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2020-2022	75/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 12/3/2020 của UBND huyện	59.577										25.000				25.000					
75	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tháp Mười	2020-2021	428/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 2507/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 (Đ/c) của UBND huyện	14.848										11.000	11.000								
76	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (hỗ trợ có mục tiêu Huyện nông thôn mới)	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2021	23/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện	11.375										8.700			3.000	5.700					
77	Công trình đường từ trạm biến áp 110KV đến cụm dân cư Hang Mai (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	299/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND huyện	14.980										10.000			10.000						
78	Đường Tân Phú, hạng mục: nền, mặt đường và hệ thống cầu (Tinh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	558/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND Huyện	35.569										10.000				10.000					
79	Đường An Khánh - An Phú Thuận, hạng mục: nền, mặt đường (Tinh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	549/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND Huyện	39.224										10.000				10.000					
80	Đường ĐT 853 cũ, xã Tân Phú Trung (Tinh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	622/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND Huyện	42.976										20.000				20.000					
81	Đường kênh 15 (Tinh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2021	327/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; 508/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND huyện (điều chỉnh CTĐT)	27.473										10.000				10.000					
82	Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp (Tinh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2022	328/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; 454/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND huyện (CTĐT)	58.835										20.000				20.000					

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
83	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (đoạn qua xã Tân Hội Trung) (Tinh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2021	252/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND Huyện	14.375									10.000		5.434	4.566						
84	Nâng cấp, mở rộng mặt đường đoạn bên xe khu du lịch Gáo Giồng đến khu du lịch Gáo Giồng (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2021	593/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện	14.916									7.500	7.500								
VI	Hạ tầng đô thị - công nghiệp					3.937.279	461.219	1.597.313	308.976	312.700		1.257.071		3.840.701	381.381	1.578.050	311.499	312.700		1.257.071			
1	- Công trình khu Trung tâm hành chính huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	UBND H.HN	2010-2018	1260/QĐ-UBND.HC ngày 31/12/2010; 1514/QĐ-UBND.HC ngày 23/12/2016 của UBND Tỉnh	183.841	33.000				33.000				33.000				33.000					
2	- Đền bù các dự án tại Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước (hoàn ứng)	BQL Khu kinh tế ĐT	2016	417/QĐ-UBND ngày 25/2/2016; 449/QĐ-UBND ngày 07/3/2016; 1140/QĐ-UBND ngày 29/4/2016;7382/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND H.HN	1.542	1.536	1.536							1.536	1.536								
3	- Nâng cấp đô thị TP. Cao Lãnh (Vốn WB)	UBND TPCL	2011-2017	156/QĐ-UBND.HC ngày 17/02/2012 của UBND Tỉnh	1.502.000	1.317.270	69.813	260.187		89.800		897.470		1.316.934	69.477	260.187		89.800		897.470			
4	- Xây dựng hệ thống thoát nước TP. Cao Lãnh (Vốn Na Uy)	Cty CP CN&MTĐT ĐT	2010-2016	1197/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2011; 833a/QĐ-UBND.HC ngày 25/9/2012 của UBND Tỉnh; 490/QĐ-TTg ngày 13/4/2015 của TTCP; 481/QĐ-UBND.HC ngày 09/5/2018 của UBND Tỉnh	490.016	407.701		48.100				359.601		402.774		43.173				359.601			
5	- Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 2)	BQL Khu kinh tế ĐT	2016-2020	1213/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015; 1354/QĐ-UBND.HC ngày 08/11/2017 của UBND Tỉnh	132.689	118.800	57.000			61.800				112.620	50.820			61.800					
6	- Cụm công nghiệp Tân Lập, huyện Châu Thành	Cty CP Xây lắp và VLXD ĐT, UBND H.CT	2016-2020	1238/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	281.845	191.966	70.000	93.177	1.389	27.400				192.632	70.000	94.696	536	27.400					
7	- Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp	BQL Khu kinh tế ĐT	2013-2017	1075/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2013 của UBND Tỉnh	159.438	41.500	25.700			15.800				46.678	30.878			15.800					
8	- Đường Hoàng Sa, TPSPĐ	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2018-2020	240/HĐND-KTNS ngày 27/10/2017 của HĐND Tỉnh	139.139	124.300		124.300						124.300		124.300							
9	- Đường Nguyễn Sinh Sắc đoạn từ ĐT 848 đến cầu Cái Cỏ	UBND TPSPĐ	2018-2020	241/HĐND-KTNS ngày 27/10/2017; 294/HĐND-KTNS ngày 07/12/2019 của HĐND Tỉnh	95.493	86.000		86.000						84.200		84.200							
10	- Đường Trần Thị Nhượng (giai đoạn 4)	UBND TPSPĐ	2018-2020	211/HĐND-KTNS ngày 20/9/2017 của HĐND Tỉnh; 1305/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	144.367	141.000		121.000	20.000					141.000		121.000	20.000						
11	- Mở rộng đường Nguyễn Sinh Sắc (đền bù)	UBND TPSPĐ	2016-2017	19/QĐ.UBND-HC ngày 11/01/2017; 64/QĐ.UBND-HC ngày 15/02/2017; 129/QĐ.UBND-HC ngày 31/3/2017 của UBND TPSPĐ (683/VPUBND-ĐTXD ngày 25/9/2017 của Văn phòng UBND Tỉnh)	1.161	1.161			1.161					1.161			1.161						
12	- Nâng cấp, cải tạo cầu Sắt Quay và cầu Hang, TPSPĐ	Sở GTVT	2018-2020	1141/QĐ-UBND.HC ngày 29/9/2017; 1622/QĐ-UBND.HC ngày 23/12/2019 của UBND Tỉnh	10.323	9.919		9.919						8.837		8.837							

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
13	- Mở rộng đường Phạm Hữu Lầu, đoạn từ cầu Cái Tôm đến cổng Tân Việt Hòa	UBND TPCL	2018-2020	238/HĐND-KTNS ngày 18/10/2017 của HĐND Tỉnh	82.838	45.815	30.000	15.815							45.800	30.000	15.800						
14	- Xây dựng hệ thống cấp nước TX. Hồng Ngự (Đối ứng vốn AFD)	Cty CP CN&MTĐT ĐT	2014-2016	1240/QĐ-UBND.HC ngày 27/12/2012; 341/QĐ-UBND.HC ngày 08/4/2013 của UBND Tỉnh	155.225	4.000		4.000							4.000		4.000						
15	- Xây dựng hệ thống cấp nước TT. Thường Thới Tiền - H. Hồng Ngự (Đối ứng vốn Italia)	Cty CP CN&MTĐT ĐT	2014-2017	1273/QĐ-UBND.HC ngày 28/12/2012; 588/QĐ-UBND.HC ngày 30/6/2014; 1172/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND Tỉnh	40.071	17.116		9.616	5.000	2.500					17.116		9.616	5.000	2.500				
16	- Mở rộng đường vào Sờ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Tỉnh (đoạn từ Quốc lộ 30 đến cầu Bình Trị)	UBND TPCL	2016-2018	356/QĐ-UBND-HC ngày 30/3/2016 của UBND Tỉnh	11.685	11.600		11.600							10.000		8.603	1.397					
17	- Mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp	UBND H.C.L	2018-2020	67/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT); 1302/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	102.616	36.000	36.000								36.000	36.000							
18	- Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh (tên cũ: Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp 2)	Trung tâm đầu tư và khai thác hạ tầng	2018-2022	65/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT); 1303/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017; 1147/QĐ-UBND ngày 07/10/2019; 1284/QĐ-UBND-HC ngày 20/8/2020 của UBND Tỉnh	194.304	144.000	144.000								31.000	31.000							
19	- Đường ĐT 852B giai đoạn 2 (đường vành đai Tây Bắc)	Sở GTVT	2018-2020	212/HĐND-KTNS ngày 20/9/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	274.694	206.600		204.600	2.000						191.100		189.100	2.000					
20	- Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười	TTPTQNĐ Tỉnh, Cty CP Xây lắp và VLXD ĐT	2017-2023	2433/QĐ-TTg ngày 13/12/2016 của TTCP (QĐ CTĐT)	1.266.174	446.441		119.296	272.345	54.800					444.454		117.309	272.345	54.800				
21	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim	2017-2020	1225/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	60.000	48.100	20.500			27.600					48.100	20.500			27.600				
22	- Đường Tân Việt Hòa đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với đường vào cầu Cao Lãnh	UBND TPCL	2017-2018	320/QĐ-UBND-HC ngày 21/3/2016 của UBND Tỉnh	29.152	24.000		24.000							25.711		23.732	1.979					
23	- Đường Lê Đại Hành giai đoạn 2 (đoạn từ đường Trần Quan Diệu đến đường Phù Đồng)	UBND TPCL	2016-2017	357/QĐ-UBND-HC ngày 30/3/2016, 1157/QĐ-UBND-HC ngày 13/10/2016 của UBND Tỉnh	19.527	15.000		15.000							14.294		14.294						
24	- Đường Lý Thường Kiệt nối dài (chuẩn bị đầu tư)	Sở GTVT	2018-2019	313/HĐND-KTNS ngày 30/12/2016 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	2.000	2.000			2.000						2.000			2.000					
25	- Đường Sờ Tư pháp kết nối Đường Tân Việt Hòa	Sở GTVT	2018-2021	314/HĐND-KTNS ngày 30/12/2016 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	477.357	335.500		331.000	4.500						335.500		331.000	4.500					
26	- Khu công nghiệp Sông Hậu (bồi thường, hỗ trợ các hộ dân)	UBND H. Lai Vung	2016	671/UBND-KTN ngày 03/10/2016 của UBND Tỉnh	6.670	6.670	6.670								6.670	6.670							
27	- Cầu Ngõ Thời Nhậm, TPCL	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2018-2020	795/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2017 của UBND Tỉnh	59.466	40.284		39.703	581						31.784		31.203	581					
28	Cầu Bà Vại, TPCL (NS tỉnh hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND TPCL	2019-2020	573/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND TPCL	14.952	13.000		13.000							13.000		13.000						
29	Cổng Ngõ Thời Nhậm, TPCL (NS tỉnh hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND TPCL	2019-2020	574/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND TPCL	21.945	20.000		20.000							20.000		20.000						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		
30	Đường Lê Đại Hành giai đoạn 3 (đoạn từ đường Phù Đổng đến Quốc lộ 30), TPCL (NS tính hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND TPCL	2019-2021	575/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND TPCL	79.557	47.000		47.000							47.000		47.000								
31	Nâng cấp các tuyến đường thuộc địa phận phường 1, phường Mỹ Phú, phường Hòa Thuận (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND thành phố Cao Lãnh	2020	114/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND TPCL	11.563										6.000		6.000								
32	Nâng cấp các tuyến đường thuộc địa phận phường 2, phường 4 (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND thành phố Cao Lãnh	2020	115/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND TPCL	12.723										11.000		11.000								
33	Nâng cấp các tuyến đường thuộc Khu 500 căn (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPCL	2020-2021	810/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND TPCL	11.619										11.000	11.000									
34	Nâng cấp các tuyến đường thuộc Khu dân cư Rạch Chanh (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPCL	2020-2021	811/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND TPCL	9.735										9.000	9.000									
35	Nâng cấp các tuyến đường thuộc địa phận phường Mỹ Phú (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPCL	2020-2021	822/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND TPCL	7.681										7.000	7.000									
36	Đường Nguyễn Minh Trí	UBND HCL	2020-2021	303/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND huyện	7.974										7.500	7.500									
VII	Khoa học công nghệ					49.915	49.915								49.403	49.403									
1	- Tăng cường năng lực kiểm định cho Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Đồng Tháp (nay là Trung tâm giám định chất lượng xây dựng).	TT Giám định chất lượng xây dựng	2016-2020	351/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016; 827/QĐ-UBND.HC ngày 24/7/2017; 717/QĐ-UBND.HC ngày 17/7/2019; 30/QĐ-UBND.HC ngày 13/01/2020 của UBND Tỉnh	18.672	16.800	16.800								16.792	16.792									
2	- Mua sắm thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước, giai đoạn 2016-2020.	Sở KHCN	2017-2020	1185/QĐ-UBND.HC ngày 21/10/2016 của UBND Tỉnh	28.873	13.200	13.200								12.784	12.784									
3	- Mua sắm thiết bị kiểm định chất lượng công trình cầu	TTKD&BD CTGTĐT	2015-2016	857/QĐ-UBND.HC ngày 21/8/2015 của UBND Tỉnh	4.006	2.000	2.000								2.000	2.000									
4	- Nâng cấp trại thực nghiệm ứng dụng khoa học công nghệ	Sở KHCN	2016-2017	1191/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	2.464	1.940	1.940								1.940	1.940									
5	- Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KHCN	2016-2018	1194/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015; 1139/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2017 của UBND Tỉnh	18.567	15.975	15.975								15.887	15.887									
VIII	Nông nghiệp và PTNT					2.562.110	130.714	532.837	28.288	1.184.384	240.887	225.000		220.000	3.081.562	111.252	486.507	9.844	1.262.204	240.887	480.868		490.000		
1	- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	UBND H.TH, UBND H.HN, UBND TXHN	2016-2020	1606/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2017; 1677/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	44.597	33.241			33.241						36.934				36.934						
2	- Công trình khẩn cấp khắc phục sạt lở bờ sông Tiền khu vực phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (hoàn ứng)	Sở NN&PTNT	2016-2017	548/QĐ-UBND.HC ngày 18/6/2014 của UBND tỉnh	9.979	9.634	9.634								9.634	9.634									
3	- Công trình Xử lý khẩn cấp khắc phục sạt lở bờ sông Tiền khu vực Tổng kho xăng dầu và khu công nghiệp Trăn Quốc Toàn, khóm 4, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (hoàn ứng)	Sở NN&PTNT	2016-2017	735/QĐ-UBND.HC ngày 30/7/2015 của UBND tỉnh	25.316	23.758	23.758								23.758	23.758									
4	- Công trình Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Lấp Vò – Sa Đéc khu vực xã Tân Dương, huyện Lai Vung (trong đó hoàn ứng 5,0 tỷ đồng)	Sở NN&PTNT	2016-2017	1449/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp	10.895	10.278	10.278								10.278	10.278									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	
5	- Phát triển cơ sở hạ tầng tại tỉnh Đồng Tháp (tên cũ: Nâng cấp hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp và ứng phó biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Tây, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp)	UBND H.TB	2019-2022	846/QĐ-UBND.HC ngày 21/7/2016; 975/QĐ-UBND.HC ngày 23/8/2017 của UBND Tỉnh	678.248	46.500		46.500							70.868			20.000				50.868		
6	- Nạo vét kênh Mương Khai (hoàn ứng)	Sở NN&PTNT	2016-2017	4032/QĐ-BNN-XD ngày 12/10/2015 của Bộ NN&PTNT	804	30		30							30			30						
7	- Ô bao số 11; hạng mục: nạo vét kết hợp đắp bờ bao và hệ thống cống, xã An Nhơn, huyện Châu Thành	UBND H.CT	2016-2018	911B/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Châu Thành	5.828	5.000				5.000					5.000					5.000				
8	- Ô bao số 4 (tiểu vùng 2+3); hạng mục: nạo vét kết hợp đắp bờ bao và hệ thống cống, xã An Nhơn, huyện Châu Thành	UBND H.CT	2016-2018	911C/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Châu Thành	5.834	5.000				5.000					5.000					5.000				
9	- Xử lý, gia cố chân kê hiện hữu sạt lở bờ sông Tiền khu vực Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	Sở NN&PTNT	2016-2018	360/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2016; 1114/QĐ-UBND-HC ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh	10.887	10.200	4.000	6.200							10.200	4.000	6.200							
10	- Tiểu dự án Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh trục thoát lũ và cung cấp nước tưới tiêu cho vùng Đồng Tháp Mười (NS Tỉnh đối ứng vốn ADB)	Sở NN&PTNT	2012-2019	3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06/12/2011; 2913/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/11/2012; 647/QĐ-BNN-TCTL ngày 03/4/2014 của Bộ NN&PTNT; 881/QĐ-UBND.HC ngày 03/9/2013 của UBND Tỉnh	313.943	54.500		54.500							78.213			54.328				23.885		
11	- Kê chống xói lở giai đoạn III, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2014-2018	737/QĐ-UBND.HC ngày 30/7/2013; 1118/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2013; 268/QĐ-UBND.HC ngày 07/3/2016 của UBND Tỉnh	158.120	59.300				59.300					59.300					59.300				
12	- Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	UBND huyện, thị, thành	2016-2020	1605/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2017; 1682/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	870.765	674.007			6.864	667.143					748.134			6.864	741.270					
13	- Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (NS Tỉnh đối ứng vốn ODA)	Sở NN&PTNT	2016-2020	1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015 của Bộ NN&PTNT	332.605	12.000		12.000							148.237		8.681	1.556				138.000		
14	- Tiểu dự án Kê chống xói lở bờ sông Tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự (Vốn ADB) (NS Tỉnh đối ứng vốn ODA)	Sở NN&PTNT	2012-2019	3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06/12/2011; 2913/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/11/2012; 647/QĐ-BNN-TCTL ngày 03/4/2014 của Bộ NN&PTNT	271.468	35.000		35.000							97.076			34.961				62.115		
15	- Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi cá tra tập trung tại các huyện Cao Lãnh, Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2017	2283/QĐ-BNN-TL ngày 13/8/2009, 4407/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2015, 1008/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/3/2017 của Bộ NN&PTNT	1.424	1.424			1.424						1.424			1.424						
16	- Nâng cấp khu đón tiếp khách, làm việc của Trung tâm du lịch và giáo dục môi trường Vườn quốc gia Tràm Chim	VQG Tràm Chim	2016-2018	1215/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	4.340	4.282		4.282							4.282			4.282						
17	- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ du lịch năm 2015, giai đoạn 2, Vườn quốc gia Tràm Chim	VQG Tràm Chim	2016-2017	1221/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	8.488	6.275		6.275							6.275			6.275						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
18	- Trại bảo tồn và phát triển sinh vật Vườn Quốc gia Tràm Chim (tên cũ: Trại thực nghiệm trực thuộc Trung tâm bảo tồn và phát triển sinh vật, VQG Tràm Chim)	VQG Tràm Chim	2017-2021	1220/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh	7.524	6.700	6.700							6.700	6.700								
19	- Trạm cấp nước sinh hoạt khu vực cửa khẩu quốc tế Dinh Bà	BCH BDBP Tỉnh	2017-2019	1291/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/16; 1268a/QĐ-UBND.HC ngày 27/10/2017 của UBND Tỉnh	7.282	6.400	6.400							6.400	6.400								
20	- Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng	Sở NN&PTNT	2016-2018	248/QĐ-UBND-HC ngày 01/3/2016 của UBND Tỉnh	8.302	4.900				4.900				4.900					4.900				
21	- Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước Giồng Găng, xã An Phước, huyện Tân Hồng	Sở NN&PTNT	2016-2018	249/QĐ-UBND-HC ngày 01/3/2016 của UBND Tỉnh	12.055	7.200				7.200				7.200					7.200				
22	- Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước Chòi Mỏi, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng	Sở NN&PTNT	2016-2018	1266/QĐ-UBND-HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	8.693	7.800				7.800				7.800					7.800				
23	- Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước ấp Đông Mỹ, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh	Sở NN&PTNT	2017-2019	1235/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	2.268	1.370	1.370							1.370	1.370								
24	- Tuyến ống cấp nước xã Tân Quới - xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình	Sở NN&PTNT	2017-2019	1236/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	1.053	630	630							630	630								
25	- Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước Cà Vàng, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng	Sở NN&PTNT	2016-2018	1258/QĐ-UBND-HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	8.308	7.500	1.400			6.100				7.688	1.588				6.100				
26	- Bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Tràm Chim (GD 2016-2020) - Khu RAMSAR	VQG Tràm Chim	2016-2020	1212/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	60.834	60.400	33.750	11.150		15.500				60.350	33.700	11.150			15.500				
27	Thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 (nay là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP)	Nhà Đầu tư		1142/QĐ-UBND.HC ngày 29/9/2017 của UBND Tỉnh	8.200	8.200				8.200				8.200				8.200					
28	- Phòng chống sạt lở sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2018-2020	64/HĐND-KTNS ngày 31/3/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	175.039	157.700		57.700		100.000				157.700		57.700		100.000					
29	- Hệ thống đê bao ứng phó biến đổi khí hậu bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông	UBND H.TN	2018-2022	1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ	337.697	223.800		43.800		180.000				210.000		30.000		180.000					
30	- Xây dựng đài quan sát (phòng cháy) trạm Kênh Cụt thuộc phân khu A2 Vườn quốc gia Tràm Chim	VQG Tràm Chim	2016-2017	1098/QĐ-UBND.HC ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh	1.015	900		900						900		900							
31	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) + Tiểu dự án: Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2017-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT	664.300	302.500		77.500				225.000		261.000		55.000			206.000				
32	- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng phục vụ nuôi cá tra tập trung huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2013-2017	961/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/12 của UBND Tỉnh	134.910	13.194	3.194			10.000				13.194	3.194			10.000					
33	- Kê chống xói lở bờ sông Tiền khu vực chợ Bình Thành huyện Thanh Bình	Sở NN&PTNT	2016-2020	1211/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	90.062	86.000	11.000			75.000				85.000	10.000			75.000					
34	- Kê Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ sông Tiền	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2017-2020	1497/QĐ-UBND.HC ngày 14/12/2017 của UBND Tỉnh	170.958	140.000		15.000					125.000	165.000		15.000							150.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
35	- Kè Hồ Cự, xã Hòa An, TPCL	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2018-2020	840/QĐ-UBND.HC ngày 25/7/2018 của UBND Tỉnh	159.000	73.100	13.100							60.000	130.000								130.000
36	- Kè bờ từ đoạn Kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2020-2023	760/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh	135.000										40.000								40.000
37	- Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2020-2021	298/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND Tỉnh	68.791										35.000								35.000
38	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Đình Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	UBND H.TH	2020-2022	761/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh	79.960										30.000								30.000
39	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự	UBND H.HN	2020-2022	768/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh	69.941										40.000								40.000
40	- Công trình xử lý sạt lở khẩn cấp trên địa bàn xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2017-2018	1370/QĐ-UBND.HC ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh	72.812	35.000								35.000	65.000								65.000
41	Tuyển dân cư biên giới kiểu mẫu (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)	UBND huyện Hồng Ngự		1373/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND huyện Hồng Ngự	12.504																		
42	Xây dựng kè chống sạt lở và trồng cây bảo vệ đường tuần tra biên giới (giai đoạn 1: đầu tư kè kè chống sạt lở đoạn xung yếu)	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2019-2020	462/QĐ-UBND.HC ngày 24/5/2019 của UBND Tỉnh	22.300	20.000		20.000							20.000		20.000						
43	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXDCT NN&PTNT Tỉnh	2018-2020	39/HĐND-KTNS ngày 21/3/2018 của HĐND Tỉnh; 306/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND Tỉnh	435.190	402.887		162.000		240.887					402.887		162.000			240.887			
44	- Xây dựng các hạng mục PCCCR ở phân khu A5	VQG Tràm Chim	2020	1272/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2019 của UBND Tỉnh	6.224	5.500	5.500																
IX	Quản lý nhà nước					550.685	550.685								566.980	566.980							
1	- Trụ sở làm việc UBND xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười (hỗ có mục tiêu cho huyện)	UBND H.TM	2015-2016	227/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND huyện Tháp Mười	8.492	3.000	3.000								3.000	3.000							
2	- Trụ sở sở Tư pháp	Sở Tư pháp	2015-2017	1100/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/ 2014 của UBND Tỉnh	16.904	8.634	8.634								8.634	8.634							
3	- Trụ sở sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở VH TT&DL	2014-2018	595/QĐ-UBND.HC ngày 25/6/ 2013 của UBND Tỉnh	34.084	5.295	5.295								5.295	5.295							
4	- Trụ Sở Thành Ủy Sa Đéc	VP Thành ủy Sa Đéc	2014-2016	1104/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/ 2013 của UBND Tỉnh	43.634	1.378	1.378								1.378	1.378							
5	- Trụ sở UBND xã Phú Cường, huyện Tam Nông (hạng mục Trụ sở làm việc, cống - hàng rào, sân đan, nhà xe, hệ thống thoát nước và SLMB) - (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	UBND H.TN	2015-2018	219/QĐ-UBND.HC ngày 22/7/2013 của UBND huyện Tam Nông	14.944	3.000	3.000								3.000	3.000							
6	- Trụ sở UBND xã Thông Bình, huyện Tân Hồng (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	UBND H.TH	2015-2017	07/QĐ-DA.XDCB ngày 19/3/2015 điều chỉnh 250/QĐ-UBND.XDCB ngày 16/8/2013 của UBND huyện TH	6.894	3.000	3.000								3.000	3.000							
7	- Trung tâm Hành chính công và khôi phục sở các đơn vị sự nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2018-2020	219/HĐND-KTNS ngày 29/9/2017 của HĐND Tỉnh	147.767	50.000	50.000								79.000	79.000							

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách		NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	
8	- Cải tạo, mở rộng Huyện Ủy Tân Hồng	UBND H.TH	2016-2017	1143/QĐ-UBND-HC ngày 29/10/2015 của UBND Tỉnh	8.600	6.000	6.000								5.266	5.266								
9	- Cải tạo, mở rộng Hội trường, nhà ăn UBND Tỉnh	VP. UBND Tỉnh	2016-2017	335/QĐ-UBND.HC ngày 24/03/2016 của UBND Tỉnh	26.842	22.500	22.500								22.294	22.294								
10	- Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu di tích Xẻo Quýt	Sở VH TT&DL	2020	1136/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	5.628	4.500	4.500																	
11	- Hội trường TP Sa Đéc	VP Thành ủy Sa Đéc	2017-2019	998/QĐ-UBND.HC ngày 29/8/2017 của UBND Tỉnh	13.988	10.000	10.000								10.000	10.000								
12	- Trụ sở UBND phường 4, thành phố Sa Đéc (hỗ trợ có mục tiêu 3,4 tỷ đồng)	UBND TP.SĐ	2016-2017	36A/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/3/2016 của UBND TP Sa Đéc	6.306	3.400	3.400								3.400	3.400								
13	- Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Trụ sở Tỉnh ủy Đồng Tháp	VP Tỉnh ủy	2016-2020	1227/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	66.632	60.000	60.000								59.973	59.973								
14	- Xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện)	Sở KHĐT, UBND cấp huyện	2016-2020	1251/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh; 305/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND Tỉnh	245.265	173.306	173.306								173.306	173.306								
15	- Trụ sở UBND xã Tân Thành, huyện Lai Vung (hỗ trợ có mục tiêu 4 tỷ đồng)	UBND H.Lai Vung	2018-2020	151/QĐ-UBND-XDCB ngày 13/7/2017 UBND huyện; 320/UBND-ĐT.XD ngày 01/9/2017 của UBND Tỉnh (hỗ trợ vốn)	8.289	4.000	4.000								5.000	5.000								
16	- Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2017-2019	1253/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	14.026	10.772	10.772								10.812	10.812								
17	- Trụ sở các cơ quan hành chính huyện Tân Hồng (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 6 tỷ đồng)	UBND H.TH	2016-2017	258/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2014 của UBND huyện Tân Hồng	14.917	6.000	6.000								6.000	6.000								
18	- Trụ sở làm việc Ban nội chính Tỉnh ủy Đồng Tháp	Ban nội chính Tỉnh ủy DT	2017-2019	1252/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	12.322	10.500	10.500								10.454	10.454								
19	- Trụ sở làm việc các ban Đảng, huyện Ủy và một số cơ quan đoàn thể thuộc huyện Tháp Mười (ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 4 tỷ đồng)	UBND H.TM	2016-2017	343/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND huyện Tháp Mười	6.317	4.000	4.000								4.000	4.000								
20	- Trụ sở làm việc huyện ủy Cao Lãnh	UBND H.CL	2017-2019	1269/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016	12.560	12.000	12.000								11.968	11.968								
21	- Trụ sở UBND phường Hòa Thuận, TPCL (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 07 tỷ đồng)	UBND TPCL	2019-2020	382/UBND-ĐT.XD ngày 16/10/2018 của UBND Tỉnh	9.531	7.000	7.000								7.000	7.000								
22	Trụ sở làm việc Khối vận huyện Cao Lãnh (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 8,5 tỷ đồng)	UBND huyện CL	2019-2020	588/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện	8.993	8.500	8.500								8.500	8.500								
23	- Hội trường Tỉnh ủy Đồng Tháp	VP Tỉnh ủy	2019-2020	1330/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	22.791	20.400	20.400								23.400	23.400								
24	Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành (hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 9 tỷ đồng)	UBND huyện CT	2019-2020	778A/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND huyện	11.317	9.000	9.000								12.000	12.000								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
25	- Xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện theo Công văn số 34/UBND-ĐT XD ngày 22/01/2019 của UBND Tỉnh)	UBND cấp huyện	2019-2020	201/QĐ-UBND ngày 18/3/2019, 85/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/4/2019, 655/QĐ-UBND.HC ngày 04/9/2019, 310/QĐ-UBND.HC ngày 04/9/2019, 397/QĐ-UBND-HC ngày 29/3/2019, 327/QĐ-UBND ngày 13/8/2019, 476/QĐ-UBND ngày 31/5/2019, 203/QĐ-UBND ngày 14/6/2019, 166/QĐ-UBND.HC ngày 02/7/2019, 167/QĐ-UBND.HC ngày 02/7/2019	70.000	50.000	50.000							50.000	50.000								
26	- Xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho huyện theo Công văn số 154/UBND-ĐT XD ngày 16/4/2019 của UBND Tỉnh)	UBND cấp huyện	2019-2020	2996/QĐ-UBND ngày 18/9/2019, 2997/QĐ-UBND ngày 18/9/2019, 177/QĐ-UBND ngày 06/6/2019, 455/QĐ-UBND ngày 01/7/2019, 107/QĐ-UBND-XDCB ngày 24/5/2019, 1753/QĐ-UBND ngày 13/9/2019, 261/QĐ-UBND.HC ngày 25/9/2019	49.000	35.000	35.000							35.000	35.000								
27	- Cải tạo, bảo trì Khối A nhà ở công vụ Mỹ Trà	Sở Xây dựng	2020	Số 1719/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Tỉnh (CTĐT)	5.351	5.300	5.300							5.300	5.300								
28	- Phòng họp và kho lưu trữ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2021	Số 1720/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Tỉnh (CTĐT)	15.038	6.000	6.000																
29	- Xây dựng nhà ăn, hội trường và sửa chữa trụ sở Huyện ủy Lai Vung	UBND huyện Lai Vung	2020-2021	Số 1721/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Tỉnh (CTĐT)	14.877	8.200	8.200																
X	Văn hóa - Xã hội					379.249	153.970	113.223	4.600	107.456				345.282	139.485	84.311	14.030	107.456					
1	- Chỉ dẫn thông tin, địa điểm du lịch	Sở VH TT & DL	2020	1144/QĐ-UBND.HC ngày 29/9/2017 của UBND Tỉnh	3.250	3.250	3.250							2.185	2.185								
2	- Đối ứng DA Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Đồng Tháp giai đoạn I	Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Đồng Tháp	2011-2017	1726/QĐ-TWĐTN ngày 13/12/2010; 1386-QĐ/TWĐTN-VP ngày 12/12/2016 của BCH Trung ương Đoàn	79.000	7.240	5.912	1.328						7.240	5.912	1.328							
3	- Hạ tầng kỹ thuật mở rộng Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, Khu Trung tâm VH, Khu dân cư nhóm 3, phường 4, thành phố CL (Hoàn ứng 164,982 triệu đồng theo CV số 367/UBND-KTN ngày 13/6/2016 của UBND Tỉnh)	TTPT QNĐ Tỉnh	2016	815/QĐ-UBND.HC ngày 15/7/2009; 581/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2009 (điều chỉnh TGTH) của UBND Tỉnh	165	165	165							165	165								
4	- Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng (NS Tỉnh bổ sung có mục tiêu cho NS huyện CL 2,9 tỷ đồng)	UBND H.CL	2016-2018	258/QĐ-UBND.HC ngày 26/7/2016 của UBND.H.CL (thay thế QĐĐT 460/QĐ-UBND.HC ngày 15/10/2015)	3.177	2.900	2.900							2.900	2.900								
5	- Khu quần thể văn hóa, thể thao huyện Thanh Bình (NS Tỉnh thương đơn vị đạt danh hiệu Anh hùng lao động 5 tỷ đồng)	UBND H.TB	2018-2019	33/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND huyện; 94/UBND-KTN ngày 18/02/2016 của UBND Tỉnh	14.232	5.000	5.000							5.000	5.000								
6	- Nghĩa trang liệt sĩ huyện Cao Lãnh giai đoạn 2 (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 4 tỷ đồng)	UBND H.CL	2014-2016	71/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND huyện (ĐC)	7.397	4.000	4.000							4.000	4.000								
7	- Trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình Đồng Tháp	Đài PT-TH ĐT	2013-2017	938/QĐ-UBND.HC ngày 26/10/2012; 1389/QĐ-UBND.HC ngày 17/11/2015; 22/QĐ-UBND.HC ngày 06/01/2017 của UBND Tỉnh	111.546	13.852	3.000	10.852							13.845	3.000	10.845						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
8	- Tượng đài Trần Văn Năng (NS Tinh hỗ trợ có mục tiêu 980 triệu đồng)	UBND H.TB	2015-2016	48/QĐ-UBND.HC ngày 25/02/15 của UBND huyện (ĐC)	3.378	980	980								980	980							
9	- Mua sắm thiết bị công trình Nhà văn hoá Lao động công đoàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2	Liên đoàn Lao động Tỉnh	2017-2019	1270/QĐ-UBND.HC ngày 23/10/2017 của UBND Tỉnh	1.543	1.300	1.300								1.300	1.300							
10	- Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTG của TTCP	Sở XD	2017-2018	22/2013/QĐ-TTG ngày 26/4/2013 của TTCP	90.269	90.269	18.413			71.856					90.269	18.413			71.856				
11	- Bảng chỉ dẫn kết hợp quảng cáo các khu, điểm du lịch trọng điểm: Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu di tích Gò Tháp, Khu Du lịch Xẻo Quýt và Khu Du lịch sinh thái Gáo Giồng	Sở VH TT&DL	2016	1220/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	845	800		800							800		800						
12	- Bìa chiến thắng 37 tàu Mỹ trên sông Rạch Ruộng	Sở VH TT&DL	2017-2018	1256/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	4.261	4.200	4.200								3.000	3.000							
13	- Bìa Chi bộ đầu tiên huyện Lấp Vò	Sở VH TT&DL	2017-2019	1255/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	5.807	4.650	4.650								4.512	4.512							
14	- Kho hiện vật Bảo tàng tổng hợp Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2018-2020	1140/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2015 (QĐ CTĐT); 1325/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	18.664	17.000	17.000								10.000	10.000							
15	- Trung tâm chữa bệnh, giáo dục và lao động xã hội tỉnh Đồng Tháp (tên cũ: Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Chữa bệnh, Giáo dục và Lao động xã hội tỉnh Đồng Tháp)	Sở LĐTB&XH	2017-2019	1243/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 614/QĐ-UBND.HC ngày 05/6/2018 của UBND Tỉnh	5.792	5.700		5.700							5.700		5.700						
16	- Nhà trưng bày Chủ tịch Hồ Chí Minh và phòng tiếp khách lãnh đạo trong khuôn viên Khu di tích Mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL	2017-2019	1254/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	9.581	9.500	9.500								9.450	9.450							
17	- Hạ tầng khu du lịch Xẻo Quýt (giai đoạn 2)	Sở VH TT&DL	2017-2019	1244/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	16.664	15.000		15.000							7.850		7.850						
18	- Các khu du lịch trọng điểm: Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, Khu du lịch Xẻo Quýt	Sở VH TT&DL	2020-2021	1232/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	19.593	6.000	6.000								1.000	1.000							
19	- Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và văn hóa Óc Eo tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2017-2021	1496/QĐ-TTg ngày 05/10/2017 của TTCP (QĐ CTĐT)	90.209	27.400				27.400					27.400				27.400				
20	- Hạ tầng phát triển du lịch thành phố Sa Đéc (hỗ trợ có mục tiêu cho NS.TPSPĐ 18,5 tỷ đồng)	UBND TPSPĐ	2016-2018	269/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/10/2015 của UBND TPSPĐ	30.021	18.500	18.500								18.500	18.500							
21	- Thiết bị phát thanh, truyền hình kỹ thuật số	Đài PT-THĐT	2017-2019	1268/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	62.076	44.500	44.500								44.468	44.468							
22	- Tượng đài tưởng niệm sự kiện tập kết năm 1954	Sở VH TT&DL	2016-2019	1242/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 1127/QĐ-UBND.HC ngày 26/9/2017 của UBND Tỉnh	36.940	22.919		22.919							22.594		22.594						
23	- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp	Sở LĐTB&XH	2016-2020	368/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016 của UBND Tỉnh	138.155	12.000		12.000															
24	- Nâng cấp, sửa chữa Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	Sở LĐTB&XH	2018-2020	315a/QĐ-UBND.HC ngày 29/3/2017 của UBND Tỉnh; 1309/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017	9.924	9.900		1.700		8.200					9.900		1.700		8.200				
25	- Hạ tầng du lịch Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL	2016-2018	371/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016; 737/QĐ-UBND.HC ngày 03/7/2018 của UBND Tỉnh	3.413	2.900		2.900							2.900		2.900						
26	- Hạ tầng du lịch Khu di tích Xẻo Quýt	Sở VH TT&DL	2016-2018	364/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2016 của UBND Tỉnh	5.880	5.156		5.156							5.156		4.376	780					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP	NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách
27	- Khu du lịch làng bè Bình Thạnh (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 13,25 tỷ)	UBND H.CL	2018-2020	550/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện	18.344	13.250		8.650	4.600						13.250			13.250					
28	- Hạ tầng Khu du lịch Gáo Giồng (NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 25,28 tỷ đồng)	UBND H.CL	2017-2019	566/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cao Lãnh	33.754	25.280		25.280							25.280		25.280						
29	- Bia phòng tuyến Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 2,5 tỷ đồng)	UBND H.CT	2016-2019	149A/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND huyện CT	5.131	2.500	2.500								2.500	2.500							
30	- Tượng đài tưởng niệm vụ thảm sát ở Long Hưng B	Sở VH TT&DL	2015-2016	1209/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	1.052	938		938							938		938						
31	- Trùng tu tôn tạo di tích Chùa Bửu Lâm, huyện Cao Lãnh (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 1 tỷ đồng theo VB 535/UBND-KTN ngày 18/9/2015 của UBND Tỉnh)	UBND H.CL	2016-2017	557/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND H.CL	2.565	1.000	1.000								1.000	1.000							
32	- Trùng tu tôn tạo di tích Đình Tân Phú Trung, huyện Châu Thành (NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu 1,2 tỷ đồng)	UBND H.CT	2016-2018	123/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND huyện CT	2.778	1.200	1.200								1.200	1.200							
XI	Y tế					1.778.511		381.392	41.166	22.520		28.433	1.305.000		1.778.771		384.508	38.310	22.520		28.433	1.305.000	
1	- 07 cơ quan Y tế tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	2010-2017	1030/QĐ-UBND.HC ngày 05/11/2010, 1198/QĐ-UBND.HC ngày 26/11/2014 của UBND Tỉnh	101.330	22.520				22.520					22.520			22.520					
2	- Bệnh viện Đa khoa huyện Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2017-2020	1240/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	97.536	87.700		87.700							93.128		93.128						
3	- Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành	Sở Y tế	2009-2019	1381/QĐ-UBND.HC ngày 09/10/2009 của UBND Tỉnh; 1096/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2013; 801/QĐ-UBND.HC ngày 17/7/2017; 28/QĐ-UBND.HC ngày 09/01/2018 của UBND Tỉnh	111.695	10.000		10.000							10.000		7.864	2.136					
4	- Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự (Bệnh viện đa khoa thị xã Hồng Ngự)	Sở Y tế	2008-2019	1244/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2008, 71/QĐ-UBND.HC ngày 18/01/2017; 1389/QĐ-UBND.HC ngày 17/11/2017 của UBND Tỉnh	87.622	13.000		13.000							13.933		11.366	2.567					
5	- Bệnh viện huyện Hồng Ngự	Sở Y tế	2010-2018	793/QĐ-UBND.HC ngày 01/9/2010; 990/QĐ-UBND.HC ngày 10/10/2014; 72/QĐ-UBND.HC ngày 18/01/2017 của UBND Tỉnh	99.889	72.906		54.906	18.000						70.849		52.898	17.951					
6	- Bệnh viện thị xã Sa Đéc	Sở Y tế	2011-2018	503/QĐ-UBND.HC ngày 26/5/2010, 425/QĐ-UBND.HC ngày 25/5/2011, 89/QĐ-UBND.HC ngày 24/01/2014; 73/QĐ-UBND.HC ngày 18/01/2017 của UBND Tỉnh	253.703	12.100		3.300	8.800						11.975		3.289	8.686					
7	- Sửa chữa các cơ sở y tế năm 2017	Sở Y tế	2017-2019	1267/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	10.493	9.400		9.400							9.389		9.389						
8	- Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (đền bù)	Sở Y tế	2014-2019	1054/QĐ-UBND.HC ngày 27/10/2014 của UBND Tỉnh	30.000	3.457		3.457							3.457		3.457						
9	- Hệ thống hội chuẩn y tế từ xa tại các bệnh viện	Sở Y tế	2017-2018	1241/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	17.642	15.000		15.000							14.793		14.793						
10	- Nâng cấp Bệnh viện y học Cổ truyền Đồng Tháp (giai đoạn 2)	BV YHCT	2017-2020	1135/QĐ-UBND.HC ngày 06/10/2016 của UBND Tỉnh	53.339	44.700		44.700							46.600		46.600						
11	- Nâng cấp Bệnh viện Quân dân y tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Bộ CHQS Tỉnh	2016-2020	1217/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh	55.215	54.400		54.400							54.200		54.200						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP		NSTW hỗ trợ xử lý cấp bách	NSTT	XSKT	Tăng thu	NSTW	NSTW hỗ trợ CT BDKH	ODA	TPCP
12	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn y tế cải thiện môi trường Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Đồng Tháp	Bệnh viện Quân-Dân y Tỉnh	2016-2018	778/QĐ-UBND-HC ngày 01/7/2016 của UBND Tỉnh	22.688	4.000		2.000	2.000					3.944			1.974	1.970				
13	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường chất thải y tế Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp, Bệnh viện Tâm thần và hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn y tế Trung tâm y tế - Phòng khám đa khoa huyện Lấp Vò	Sở Y tế	2016-2018	866/QĐ-UBND-HC ngày 24/8/2015 và 939/QĐ-UBND.HC ngày 10/8/2016 của UBND Tỉnh	36.026	5.000			5.000					5.000				5.000				
14	- Dự án xây dựng, sửa chữa hàng rào, đường đan và san lấp mặt bằng khu vực sự cố công trình bệnh viện huyện Tam Nông	Sở Y tế	2017-2018	1277/QĐ-UBND.HC ngày 24/10/2017 của UBND Tỉnh	2.889	1.500		1.500						1.389			1.389					
15	- Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp	Sở Y tế	2014-2019	866/QĐ-UBND-HC ngày31/7/2017 của UBND Tỉnh	1.724.105	1.305.000							1.305.000	1.305.000							1.305.000	
16	- Bệnh viện Sản nhi giai đoạn I	Sở Y tế	2016-2018	1206/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	41.941	35.000		35.000						32.035			32.035					
17	- Khoa khám bệnh thuộc Bệnh viện phục hồi chức năng Tỉnh	BV ĐDPHCN	2016-2018	1214/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh	8.128	7.118		7.118						7.118			7.118					
18	- Trạm xá Quân dân y Đồn Biên phòng Bình Thạnh	BCH BDBP Tỉnh	2017-2018	791/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2017 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	893	800		800						800			800					
19	- Hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Tháp (grant 2)	Sở Y tế	2016-2017	302/QĐ-UBND.HC ngày 15/3/2016 của UBND Tỉnh	31.706	30.683		2.250				28.433		30.461			2.028			28.433		
20	- Bệnh xá Quân dân y kết hợp (mở rộng phòng khám khu vực quân dân y Giồng Găng)	Đoàn kinh tế Quốc phòng 959	2017-2019	844/UBND-KTN ngày 28/12/2015; 211/UBND-ĐTXD ngày 03/7/2018 của UBND Tỉnh	8.134	2.483		2.483						2.480			2.480					
21	- Trung tâm y tế huyện Lai Vung	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2019-2020	1060/QĐ-UBND.HC ngày 12/9/2018 của UBND Tỉnh	9.138	8.600		8.600						8.600			8.600					
22	- Trung tâm y tế huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2019-2020	1062/QĐ-UBND.HC ngày 12/9/2018 của UBND Tỉnh	9.886	9.300		9.300						9.300			9.300					
23	- Chương trình bệnh viện vệ tinh tại bệnh viện Đa Khoa Sa Đéc	Sở Y tế	2019-2020	1259/QĐ-UBND.HC ngày 16/10/2018 của UBND Tỉnh	10.854	10.800		10.800						10.800			10.800					
24	Trung tâm y tế huyện Hồng Ngự	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2019-2020	1643/QĐ-UBND.HC ngày 28/12/2018 (QĐCT); 1255/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2019 của UBND Tỉnh	11.631	13.044		5.678	7.366					11.000			11.000					
XII	- Thu hồi ứng các dự án không thuộc các chương trình mục tiêu					99.780				99.780				122.208			4.251	18.177	99.780			
XIII	Tất toán công trình hoàn thành					85.497	35.497	50.000						95.690	27.138	68.552						